TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2
HỘI ĐỒNG ĐGNL NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 2

Điểm thi: Giảng đường B

Phòng thi số: **1 - B2.2** Bài thi: Ngày thi: **03/12/2022**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ/ Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	A1001	NGUYỄN PHÚC AN	13/09/2001	Hà Nội			
2	A1002	ĐẶNG CHÂU ANH	12/03/2000	Thái Bình			
3	A1003	NGUYỄN MAI ANH	16/10/2001	Vĩnh Phúc			
4	A1004	LÊ KIỀU ANH	30/06/2001	Vĩnh Phúc			
5	A1005	TRẦN THỊ LINH CHI	25/03/1999	Bắc Ninh			
6	A1006	TRIỆU NHÃ CHI	08/11/2001	Bắc Giang			
7	A1007	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	02/09/2001	Nam Định			
8	A1008	NGUYỄN MINH ĐỨC	28/09/2001	Ninh Bình			
9	A1009	NGUYỄN THỊ GIANG	07/10/2001	Bắc Giang			
10	A1010	BÙI THỊ THU HẰNG	27/05/2001	Hòa Bình			
11	A1011	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	30/07/2001	Hà Nội			
12	A1012	TRẦN THỊ KIM HOA	15/04/2001	Hà Nam			
13	A1013	LƯỜNG THỊ HUỆ	06/08/2001	Lai Châu			
14	A1014	LÊ HUY	03/08/2001	Phú Thọ			
15	A1015	PHẠM THỊ THU LAN	01/08/2001	Vĩnh Phúc			
16	A1016	NGUYỄN THỊ LAN	11/07/2001	Bắc Ninh			
17	A1017	HÀ THỊ THÙY LINH	11/08/2001	Hà Nội			
18	A1018	NGUYỄN KHÁNH LINH	30/10/2001	Phú Thọ			
19	A1019	TRỊNH THỊ THÙY LINH	10/06/2001	Ninh Bình			
20	A1020	NGUYỄN THÙY LINH	09/12/2002	Hà Nội			
21	A1021	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	27/09/2001	Vĩnh Phúc			
22	A1022	NGUYỄN NGỌC MAI	25/01/2000	Hải Dương			
23	A1023	NGUYỄN NGỌC MAI	14/02/2001	Hưng Yên			
24	A1024	NGUYỄN VĂN NAM	29/12/1999	Hòa Bình			
25	A1025	NGUYỄN BẢO NGỌC	02/03/2001	Hòa Bình			
26	A1026	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	15/11/2001	Hà Nam			

Số sinh viên dự thi:.....
Số sinh viên bỏ thi:.....

Cán bộ coi thi thứ 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2
HỘI ĐỒNG ĐGNL NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 2

Điểm thi: Giảng đường B

Phòng thi số: **1 - B2.2** Bài thi: Ngày thi: **03/12/2022**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ/ Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	A1027	LANG THỊ NGỌC	11/10/2000	Thanh Hóa			
2	A1028	NGUYỄN THỊ NHÀN	24/04/2001	Bắc Ninh			
3	A1029	NGUYỄN THỊ NHUNG	08/01/2001	Hà Nội			
4	A1030	THÁI THỊ HỒNG NHUNG	04/02/2001	Nam Định			
5	A1031	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	18/02/2001	Bắc Ninh			
6	A1032	GIÀNG THỊ NHUNG	28/03/2002	Lào Cai			
7	A1033	NGUYỄN THỊ NHUNG	09/10/2002	Vĩnh Phúc			
8	A1034	TRIỆU THỊ PHƯƠNG	28/07/2001	Lào Cai			
9	A1035	VŨ HÀ PHƯƠNG	08/04/2001	Hải Dương			
10	A1036	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	04/12/2002	Hưng Yên			
11	A1037	TRẦN NHƯ QUỲNH	12/10/2001	Ninh Bình			
12	A1038	HOÀNG THỊ THU THANH	03/12/2001	Thanh Hóa			
13	A1039	NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO	16/10/2001	Bắc Giang			
14	A1040	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	14/12/2001	Vĩnh Phúc			
15	A1041	VŨ THỊ THU	13/04/2001	Hà Nội			
16	A1042	LÊ THỊ HOÀI THU	11/06/2001	Vĩnh Phúc			
17	A1043	KIỀU MINH THUỲ	14/09/2002	Quảng Ninh			
18	A1044	TẠ THỊ MINH THÙY	19/12/2001	Ninh Bình			
19	A1045	ĐOÀN THU THỦY	14/08/2001	Hải Phòng			
20	A1046	PHẠM THỊ MINH THƯƠNG	30/10/2001	Nam Định			
21	A1047	ĐINH THỊ THU TRANG	10/12/2001	Hải Phòng			
22	A1048	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	02/10/2001	Bắc Giang			
23	A1049	PHẠM THỊ THU TRANG	02/04/2001	Hải Phòng			
24	A1050	ĐỖ THỊ KIỀU TRINH	21/07/2001	Vĩnh Phúc			
25	A1051	TAO THỊ VÂN	01/12/2001	Lai Châu			
26	A1052	NGUYỄN KHÁNH VÂN	27/04/2001	Hà Nội			

Số sinh viên dự thi:.....
Số sinh viên bỏ thi:.....

Cán bộ coi thi thứ 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2
HỘI ĐỒNG ĐGNL NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH PHÒNG THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 2

Điểm thi: Giảng đường B

Phòng thi số: **2 - B2.3** Bài thi: Ngày thi: **03/12/2022**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ/ Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	A1053	TRẦN THỊ HẢI YẾN	30/12/2001	Bắc Giang			
2	A1054	PHẠM THỊ BẢO YẾN	08/06/2001	Ninh Bình			

Số sinh viên dự thi:.....
Số sinh viên bỏ thi:.....

Cán bộ coi thi thứ 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ 2
(Ký và ghi rõ họ tên)